

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2014/QĐ -UBND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ
xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/ 11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH-QH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XII, kỳ họp thứ 10 Quy định điều chỉnh, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Công văn số 272/HĐND-KTNS ngày 29/8/2014 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thống nhất triển khai thực hiện Nghị quyết số 51/2014/NQ-HĐND;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1826/TTr-STC ngày 12/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: *(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).*

1. Mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô áp dụng cho các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng do Nhà nước đầu tư và các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do Nhà nước đầu tư.

2. Đối với điểm, bãi trông giữ xe ô tô có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường, có nhu cầu gửi xe ô tô nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn hơn những nơi khác, mức thu phí trông giữ xe ô tô bằng 1,2 lần mức thu quy định tại phụ lục kèm Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng thu, nộp

1. Mọi tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện có nhu cầu gửi trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện đều phải thực hiện nộp phí theo quy định;

2. Đối với học sinh, sinh viên thường xuyên gửi xe đạp, xe máy tại trường học thì tổ chức, cá nhân được phép thu phí phải thực hiện thu phí theo vé tháng.

Điều 3. Quản lý, sử dụng nguồn thu phí

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trông giữ phương tiện phải được cấp phép hoạt động phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thu phí hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo 100% chi phí cho hoạt động thì khoản tiền thu được là khoản phí không thuộc ngân sách nhà nước. Số phí này là doanh thu của đơn vị, đơn vị có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo Luật Quản lý thuế hiện hành.

3. Đối với tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp được nhà nước cấp một phần hoặc toàn bộ chi phí hoạt động thì khoản phí này là phí thuộc ngân sách nhà nước; Tỷ lệ quy định tạm thời được trích để lại cho tổ chức thực hiện thu phí là 80% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải dùng cho các nội dung theo hướng dẫn tại điểm 4 mục C phần III Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính và mục 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 về hướng dẫn thực hiện các quy định

pháp luật về phí và lệ phí. Phần còn lại 20% đơn vị thu phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của mục lục ngân sách hiện hành.

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp giao khoán hoặc tổ chức đấu thầu cho tổ chức cá nhân khác thực hiện trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô và thu phí tại đơn vị thì phải xây dựng phương án thu phí cụ thể và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trên tổng số doanh thu khoán hoặc trúng thầu trước khi chia lợi nhuận để lại;

5. Tổ chức, cá nhân khác đăng ký với UBND phường, xã, thị trấn cho phép được thực hiện thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô theo hình thức không thường xuyên, khoản tiền thu được là phí không thuộc ngân sách nhà nước, được xác định là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí. Tổ chức, cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp thuế với đội thuế phường, xã, thị trấn theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

6. Các nội dung khác có liên quan đến tổ chức thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, công tác quản lý phí chưa đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 về hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương

1. Cơ quan Tài chính các cấp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe trên địa bàn; lập biên bản trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp cố tình vi phạm mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan Thuế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế, phí tại các đơn vị được thu phí; hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, phí theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của từng địa phương quy hoạch các điểm trông giữ xe cho phù hợp với điều kiện cụ thể, để cấp phép hoạt động cho các tổ chức, cá nhân được phép thu phí; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thường xuyên giám sát việc thực hiện thu phí

trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách của các đơn vị thu phí trên địa bàn theo đúng quy định; chỉ đạo các phòng, ban có chức năng kiểm tra, giám sát tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách có liên quan đến phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô. Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính.

4. Các tổ chức cá nhân thu phí có trách nhiệm: Thực hiện nghiêm yết công khai mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô tại địa điểm thu phí và thực hiện thu phí đúng mức thu quy định, quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 và thay thế Quyết định 40/2011/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài Chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nhữ Văn Tâm

Phụ lục**MỨC THU PHÍ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, XE MÁY, XE Ô TÔ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 34/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
A	Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo lượt ban ngày <i>(Từ 6 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút)</i>		
I	<i>Khu vực bệnh viện, trường học, chợ, bến xe, ga tàu và các khu vực được cấp phép trông giữ xe theo đúng quy hoạch.</i>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	1.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	2.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	10.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	15.000
II	<i>Khu vực có Lễ hội, Hội chợ, khu du lịch, tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.</i>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	4.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	15.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	20.000
B	Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo lượt ban đêm <i>(Từ 18 giờ 00 phút đến 6 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau)</i>		
I	<i>Khu vực bệnh viện, trường học, chợ, bến xe, ga tàu và các khu vực được cấp phép trông giữ xe theo đúng quy hoạch.</i>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	4.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	15.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	25.000
II	<i>Khu vực có Lễ hội, Hội chợ, khu du lịch, tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.</i>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	5.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	20.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	30.000
C	<i>Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo tháng (Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn mức thu bằng 50% mức thu quy định).</i>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	15.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/tháng	40.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/tháng	350.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/tháng	450.000